

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16 /2022/DS-ST

Ngày 24/8/2022

V/v: “Tranh chấp về Thừa kế tài
sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Yến và bà Lê Thị Chinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thanh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Văn Nghị – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022 tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận, xét xử sơ
thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2022
về việc: “ Tranh chấp về thừa kế tài sản” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn M** - sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: **Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.**

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn B** – sinh
năm 1957 (theo giấy ủy quyền ngày 22/3/2022), (có mặt);

Địa chỉ: **Tổ dân phố A, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.**

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn D** – sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: **Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.**

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông **Nguyễn Văn B** – sinh năm 1957 (có mặt).

Địa chỉ: **Tổ dân phố A, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.**

+ Ông **Nguyễn Phước H** – sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: **Số C P, phường C, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.**

+ Bà **Nguyễn Thị S** – sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: **Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.**

+ Ông **Nguyễn Văn H1** – sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Nguyễn Thị M1 – sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Ông Nguyễn Văn H2 - sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Bà Nguyễn Thị L1 – sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số A B, G, Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L1: Ông Nguyễn Văn M – sinh năm 1962 (có mặt).

+ Bà Nguyễn Thị Hồng V – sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

+ Vợ chồng ông Lê Hồng H3, sinh năm 1979 và bà Huỳnh Thị N – sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn M, quá trình tố tụng và tại phiên nguyên đơn trình bày:

Cha, mẹ của ông là cụ Nguyễn Văn A, cụ Nguyễn Thị N1 sinh được 10 người con chung là: Nguyễn Văn B, Nguyễn Phước H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị M1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Văn D và Nguyễn Thị L1.

Cụ Nguyễn Văn A chết năm 1986, cụ Nguyễn Thị N1 chết năm 2018. Cả cụ A, cụ N1 đều không để lại di chúc, chưa định đoạt tài sản. Cha mẹ ông có các tài sản chung gồm:

- 01 căn nhà cấp 4 trên diện tích 643,9m², tọa lạc tại T, Q, N, Ninh Thuận.

- Thửa đất số 01, diện tích 20.000m² và thửa đất số 02 diện tích 20.000m², cùng tọa lạc tại X đông S, thị trấn T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Sau khi mẹ chết thì ngày 01/10/2018, các anh chị em trong gia đình lập biên bản họp gia đình có sự có mặt của ông D, thống nhất như sau: căn nhà cấp 4 trên diện tích 643,9m², tọa lạc tại T, Q, N, Ninh Thuận để làm nơi thờ cúng ông bà, tổ tiên; thửa đất số 01 diện tích 20.000m² giao cho ông D. Riêng thửa đất còn lại số 02 diện tích 20.000m², tọa lạc tại Xứ đông Suối Mây 2 giao cho các anh chị em còn lại. Tuy nhiên, sau khi các anh em thống nhất ký giấy tờ và ông D được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích 20.000m² thửa số 01 vào năm 2019 thì ông D có ý

định chiếm đoạt luôn thửa đất số 02 mà không giao lại để các anh em sử dụng.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 02 có diện tích 20.000m² theo GCNQSDĐ số S 364055 cấp ngày 27/11/2003 (diện tích tự kê khai), chủ sử dụng bà Nguyễn Thị N1, nay tương ứng với thửa đất số 21, diện tích 6.255,3m² và thửa 30, diện tích 26.387m², tờ bản đồ số 18 thị trấn T theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 17/5/2022 của Văn phòng Đ.

Nguyên vọng của ông được chia phần đất thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 18 thị trấn T; chia cho ông D phần đất thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 18, thị trấn T; chừa một lối đi chung về hướng bắc của thửa đất số 30 có chiều rộng 03m, chiều dài hết thửa đất số 30 để dẫn vào thửa đất số 21, tờ bản đồ số 18, thị trấn T. Phần thừa kế ông được nhận sẽ giao cho bà Nguyễn Thị M1 được nhận toàn bộ, bà M1 sẽ đại diện để đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sử dụng đất được chia sẽ là tài sản chung của các anh chị em ông.

Trường hợp các anh chị em ông được chia phần đất thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 18 thị trấn T, ông đồng ý cho vợ chồng ông Lê Hồng H3 và bà Huỳnh Thị Nguyên canh t đến hết thời hạn như trong hợp đồng thuê đất giữa vợ chồng ông H3, bà N với ông Nguyễn Văn D. Hết thời hạn thuê, vợ chồng ông H3, bà N phải trả lại cho anh chị em ông thửa đất này.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Tại hôm Tòa xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản ông D, bà V đều có mặt nhưng cũng không không thể hiện ý kiến.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các ông, bà Nguyễn Văn B, Nguyễn Phước H, Nguyễn Thị S, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị M1. trình bày:

Các ông bà đồng ý với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên vọng của ông bà được chia phần đất thuộc thửa đất số 30, tờ bản đồ số 18 thị trấn T; chia cho ông D phần đất thuộc thửa đất số 21, tờ bản đồ số 18, thị trấn T; chừa một lối đi chung về hướng bắc của thửa đất số 30 có chiều rộng 03m, chiều dài hết thửa đất số 30 để dẫn vào thửa đất số 21, tờ bản đồ số 18, thị trấn T. Phần thừa kế các ông, bà được nhận sẽ giao cho bà Nguyễn Thị M1 được nhận toàn bộ, bà M1 sẽ đại diện để đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sử dụng đất được chia sẽ là tài sản chung của các anh chị em ông.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Trường hợp Tòa án chia di sản do cha mẹ bà chết để lại, phần bà được

hường bà xin nhận và tặng lại cho ông (bà) Nguyễn Văn B, Nguyễn Phước H, Nguyễn Thị S, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị M1, Nguyễn Văn M.

Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Lê Hồng H3, bà Huỳnh Thị N trình bày:

Ngày 04/01/2022, vợ chồng ông, bà có thuê của ông Nguyễn Văn D thửa đất số 30, tờ bản đồ số 18, thị trấn T, diện tích 26.387m², có làm giấy viết tay, thời hạn thuê từ ngày 04/01/2022 đến ngày 04/01/2023, giá thuê thỏa thuận là 20.000.000 đồng. Vợ chồng ông, bà không có ý kiến gì việc tranh chấp thừa kế giữa ông Nguyễn Văn M và ông Nguyễn Văn D. Vợ chồng ông, bà đồng ý giao trả thửa đất số 30 tờ bản đồ số 18 theo quyết định của Tòa án nhưng phải cho vợ chồng ông, bà canh tác đến ngày 04/01/2023 theo như giấy cho thuê, vì hiện tại vợ chồng bà đã cày xới đất để chuẩn bị trồng kiệu.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án, việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp, tổng đạt các giấy tờ cho Viện Kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; người tham gia tố tụng là nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa để tham gia giải quyết vụ án, như vậy bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Xác định thửa đất số 21, diện tích 6.255,3m² và thửa 30, diện tích 26.387m², tờ bản đồ số 18 thị trấn T theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 29/6/2022 là di sản của ông A, bà N1 để lại, vì vậy phải chia đều cho các người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật. Do đó đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Sự vắng mặt của đương sự: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các quyết định tố tụng nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn D1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng V vẫn vắng mặt không có lý do; ông D1, bà V chỉ có mặt khi Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ và cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, do đó phải chịu hậu quả

pháp lý về việc không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tổ tụng của mình theo quy định của pháp luật Tổ tụng Dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là vợ chồng ông **Lê Hồng H3**, bà **Huỳnh Thị N** có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật Tổ tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của đương sự, vụ án có quan hệ tranh chấp: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”; trong vụ án có bà **Nguyễn Thị L1** đang cư trú sinh sống ở nước ngoài (Hoa Kỳ) nên thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận theo khoản 5 điều 26, khoản 1 điều 37, điều 469 của Bộ luật Tổ tụng Dân sự năm 2015.

- Về thời hiệu khởi kiện: cụ **Nguyễn Thị N1** chết năm 2018, Cụ **Nguyễn Văn A** chết năm 1986, trước ngày 10/9/1990 nên thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại điều 36 của Pháp lệnh thừa kế 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/NQ- HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp lệnh thừa kế. Tại điểm d khoản 1 điều 688 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “Đối với giao dịch dân sự được xác lập trước ngày Bộ luật này có hiệu lực thì việc áp dụng pháp luật được quy định như sau: Thời hiệu được áp dụng theo quy định của Bộ luật này”, khoản 1 điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản kể từ thời điểm mở thừa kế”. Ngày ông **Nguyễn Văn M** có đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là vẫn còn trong thời hiệu.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ và sự thừa nhận của các đương sự xác định: Sinh thời, cụ **A** và cụ **N1** tạo lập tài sản chung gồm: 01 căn nhà cấp 4 gắn liền quyền sử dụng đất diện tích 643,9m² tọa lạc tại **thôn T, xã Q** và quyền sử dụng hai thửa đất số 01, 02 tờ bản đồ Suối Mây 2 diện tích 40.000m², đã được **Ủy ban nhân dân huyện N** cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 264055 ngày 27/11/2003 cho bà **Nguyễn Thị N1**. Tuy nhiên, nguyên đơn xác định chỉ khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với thửa số 02 diện tích 20.000m² (diện tích tự kê khai) tờ bản đồ Suối Mây 2, đối với phần di sản còn lại không tranh chấp. Xét đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự nên Tòa án chỉ xem xét trong phạm vi khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 5 của Bộ luật Tổ tụng Dân sự.

Tại biên bản xem xét thẩm định, định giá tài sản được Tòa án lập ngày 31/3/2022 thì diện tích 20.000 m² thửa đất 02 tờ bản đồ Suối Mây 2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 264055 cấp ngày 27/11/2003 của **Ủy ban nhân dân huyện N** nay được xác định diện tích 32.642,3 m² gồm các thửa: thửa số

30 diện tích 26.387m² và thửa số 21 diện tích 6255,3m² thuộc tờ bản đồ số 18, **T**. Trên thửa đất số 21 ông **Nguyễn Văn D** đang sử dụng một phần diện tích trồng mía (cả ba bên đương sự không yêu cầu định giá cây trồng trên đất); phần diện tích còn lại của thửa 21 và thửa số 30 đều bỏ trống, không có tài sản và cây trồng. Giá trị đất các bên đương sự đều thống nhất về giá do Hội đồng định giá đã định là 21.000^d/1m².

[2.1]. Về hàng thừa kế: Theo các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện và sự thừa nhận của các đương sự về mối quan hệ huyết thống, xác định: Cụ **Nguyễn Văn Á** và cụ **Nguyễn Thị N1** sinh được 10 người con chung là: **Nguyễn Văn B (H4)**, **Nguyễn Phước H (Lành)**, **Nguyễn Văn M**, **Nguyễn Thị S**, **Nguyễn Thị M1**, **Nguyễn Văn H1**, **Nguyễn Thị L**, **Nguyễn Văn H2**, **Nguyễn Văn D** và **Nguyễn Thị L1**; Các cụ không có con nuôi, con riêng.

[2.2] Về di sản thừa kế và yêu cầu chia thừa kế:

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S 364055 do **Ủy ban nhân dân huyện N** cấp ngày 01/8/1995 cho bà **Nguyễn Thị N1** thì thửa đất số 02 có diện tích 20.000m², nguồn gốc khai hoang tháng 2/1996 (tự kê khai). Tại công văn số 2084/UBND – TN ngày 25/7/2022 của **Ủy ban nhân dân huyện N** cung cấp: “Thửa đất số 02 có diện tích 20.000m² tại giấy chứng nhận số phát hành S 264055 do **UBND huyện N** cấp ngày 27/11/2003 cho bà **Nguyễn Thị N1** là cấp theo hình thức tự kê khai, chưa đo đạc thực tế. Phần chênh lệch diện tích đất theo giấy chứng nhận được cấp và đo đạc thực tế 32.642,3m² là do biến động. Ranh giới thửa đất đang sử dụng là rõ ràng, không tranh chấp với các chủ sử dụng đất liền kề”.

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bên phía nguyên đơn đều khẳng định thửa đất đang tranh chấp là tài sản của cụ **Nguyễn Văn Á** và cụ **Nguyễn Thị N1** để lại chưa chia, mặc dù cụ **Nguyễn Văn Á** đã chết năm 1986, chết trước thời điểm bà **N1** được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên nguồn gốc đất do cụ **Á** và cụ **N1** khai hoang từ những năm 1978. Vì vậy, có đủ căn cứ để xác định thửa đất 02 có diện tích 20.000m², nay tương ứng với thửa đất số 21 diện tích 6.255,3m² và thửa 30 diện tích 26.387m², tờ bản đồ số 18, **thị trấn T** theo Trích lục bản đồ địa chính ngày 17/5/2022 của **Văn phòng Đ** là di sản của cụ **Á** và cụ **N1**.

Cụ **Á**, cụ **N1** chết không để lại di chúc, chưa định đoạt phần tài sản là quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hai cụ nên phần tài sản là quyền sử dụng đất sẽ được chia đều cho các đồng thừa kế gồm 10 kỷ phần, mỗi kỷ phần được nhận bằng hiện vật là diện tích 3.264,23 m², trị giá quyền sử dụng đất là 68.549.000^d. Tuy nhiên bà **L1** có văn bản tặng cho phần thừa kế của bà được nhận cho 8 anh chị em gồm: ông (bà) **B, H, M, S, M1, L, H2, H1**.

Những người định đoạt phần di sản thừa kế của mình giao cho bà Nguyễn Thị M1 gồm: ông (bà) Nguyễn Văn B, Nguyễn Phước H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị S, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn H2 là 7 kỷ phần cộng 1 kỷ phần bà M1 được nhận và 1 kỷ phần nhận tặng cho của bà L1 là 9 kỷ phần, tính bằng hiện vật là 29.378m².

Xét diện tích đất chiều rộng và chiều dài đảm bảo tương xứng chia cho các bên cùng sử dụng, do đó thuận theo nguyện vọng được nhận phần di sản thừa kế bằng hiện vật là phù hợp khoản 2 điều 660 Bộ luật Dân sự 2015. Ông D đang canh tác trên một phần diện tích thửa đất số 21 tờ bản đồ số 18, để thuận tiện cho việc canh tác được tiếp tục nên chia cho ông D được nhận diện tích 3.265m² thửa đất này, được xác định các điểm (5,6,7,8,8',13',5'); Phần diện tích còn lại 2.990,3m² của thửa 21 và diện tích 26.127m² thửa số 30 tờ bản đồ số 18, thị trấn T được chia cho ông M và các anh em gồm: B, H, S, M1, L, H2, H1.

Quá trình tổ tụng các đồng thừa kế B, H, M, S, M1, L, H2, H1 thống nhất các kỷ phần thừa kế mỗi người được nhận sẽ nhập lại với nhau cùng đứng tên đồng sở hữu, sử dụng khối di sản này và giao cho bà M1 đứng tên đại diện đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng đất. Đồng thời, để thuận tiện cho việc đi lại nên chừa đường đi có chiều rộng 3m dẫn vào thửa 21, diện tích 260m² được xác định bởi các điểm (3',4,5,5') thuộc một phần thửa đất số 30, tờ bản đồ số 18, thị trấn T theo Trích lục bản đồ địa chính ngày và ngày 29/6/2022 của Văn phòng Đ, và diện tích làm đường đi này được tất cả các đồng thừa kế sử dụng chung, không ai phải hoàn trả giá trị chênh lệch cho ai. Xét việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

[2.3].Đối với diện tích 26.387m² thửa đất số 30 tờ bản đồ số 18, hiện tại ông Nguyễn Văn D và ông Lê Hồng H3 xác lập giao dịch cho thuê quyền sử dụng đất, có làm giấy viết tay thời hạn thuê đến 04/01/2023, ông H3 không tranh chấp cũng như không có yêu cầu trong vụ án này, chỉ đề nghị cho được sử dụng đến ngày 04/01/2023. Thời điểm Tòa án xem xét thẩm định tại chỗ thì ông H3 chưa sử dụng đất, tại phiên tòa nguyên đơn cùng các đồng thừa kế đồng ý cho ông H3 sử dụng đến hết thời hạn thuê là ngày 04/01/2023 thì giao trả lại quyền sử dụng đất như mong muốn của vợ chồng ông H3, vì vậy cần chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên; Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa; Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chia di sản thừa kế là có căn cứ phù hợp điều 649, 650, 651, 660, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[3] Chi phí thẩm định, định giá, trích đo: Số tiền 6.850.000^d nguyên đơn ông Nguyễn Văn M đồng ý chịu và đã nộp đủ.

[4] Về án phí: Mỗi đương sự phải chịu án phí sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được chia trong khối di sản thừa kế. Các ông, bà: **Nguyễn Thị S**, **Nguyễn Thị M1**, **Nguyễn Văn H1**, **Nguyễn Thị L**, **Nguyễn Văn H2** và **Nguyễn Văn D** mỗi người phải chịu 3.427.000^d án phí dân sự sơ thẩm.

- Các ông **Nguyễn Văn B**, **Nguyễn Phước H**, **Nguyễn Văn M** là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. **H5** lại cho ông **Nguyễn Văn M** số tiền 10.000.000^d tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000443 ngày 04/01/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 649, 650, 651, 660, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Nguyễn Văn M** đối với bị đơn ông **Nguyễn Văn D** về việc: “Tranh chấp về Thừa kế tài sản”.

Chia cho ông **Nguyễn Văn M** và các ông, bà: **Nguyễn Văn B**, **Nguyễn Phước H**, **Nguyễn Thị S**, **Nguyễn Thị M1**, **Nguyễn Văn H1**, **Nguyễn Thị L**, **Nguyễn Văn H2** được quyền sử dụng 29.117 m² gồm diện tích 26.127m² thửa đất số 30, tờ bản đồ số 18, **thị trấn T** được xác định bởi các điểm(1,2,3,3',5',13',13,14,15,16,17,18,19,20,21,22,23,24) và diện tích 2.990,3m² thuộc một phần thửa đất số 21, tờ bản đồ số 18, **thị trấn T**, được xác định bởi các điểm (8',9,10,11,12,13,13').

Chia cho Ông **Nguyễn Văn D** được quyền sử dụng diện tích 3.265 m² thuộc một phần thửa đất số 21, tờ bản đồ số 18, **thị trấn T**, được xác định bởi các điểm (5,6,7,8,8',13',5').

Buộc ông **Nguyễn Văn D**, bà **Nguyễn Thị Hồng V** phải giao trả diện tích 2.991m² thuộc một phần thửa đất số 21, tờ bản đồ số 18, **thị trấn T** và 26.127m² thửa đất số 30 tờ bản đồ số 18, **thị trấn T** được xác định các điểm (1,2,3,3',5',13',13,14,15,16,17,18,19,20,21,22,23,24) cho các ông, bà **Nguyễn Văn B**, **Nguyễn Phước H**, **Nguyễn Văn M**, **Nguyễn Thị S**, **Nguyễn Thị M1**, **Nguyễn Văn H1**, **Nguyễn Thị L**, **Nguyễn Văn H2**.

Ông **Lê Hồng H3** và bà **Huỳnh Thị N** phải giao trả diện tích 26.387 m² thửa đất số 30, tờ bản đồ số 18, **thị trấn T** sau khi kết thúc thời hạn thuê (ngày

04/01/2023).

Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự Nguyễn Văn B, Nguyễn Phước H, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị M1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn H2 được quyền sử dụng chung diện tích 29.117m² (tỷ lệ sử dụng của mỗi người là 1/8 trên tổng diện tích đất nói trên) và giao cho bà Nguyễn Thị M1 đại diện đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Bà Nguyễn Thị M1, ông Nguyễn Văn D được sử dụng chung phần diện tích 260m² đất làm lối đi được xác định bởi các điểm (3',4,5,5') thuộc một phần thửa đất số 30, tờ bản đồ số 18, thị trấn T.

(Có trích bản đồ địa chính ngày 29/6/2022 của Văn phòng Đ kèm theo).

2. Chi phí thẩm định, định giá, trích đo: Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

3. Về án phí:

Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn B, Nguyễn Phước H, Nguyễn Văn M.

H5 lại cho ông Nguyễn Văn M số tiền 10.000.000^d (Mười triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000443 ngày 04/01/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận.

- Các ông, bà: Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị M1, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn H2 và Nguyễn Văn D mỗi người phải chịu 3.427.000^d (Ba triệu bốn trăm hai mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Yên Lê Thị C

Phạm Thị Anh T

Nơi nhận:

- Đương sự (10);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- Chi cục THADS tỉnh Ninh Thuận(1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Anh Trang